CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hoàn Kiếm, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102333992
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-01-12 13:57:43
Foxit Reader Version: 9.7.2

QUỸ ETF SSIAM VN30

Số/No. 64 /2023/TB-SSIAM-NVQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, Tại ngày: 12 tháng 01 năm 2023
As at 12 Jan 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/*ETF name:* QUỸ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* FUESSV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **11/01/2023**
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
  Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weighting*
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	3,600	6.5%
2	BID	200	0.6%
3	BVH	100	0.4%
4	CTG	900	2.0%
5	FPT	1,100	7.4%
6	GAS	100	0.8%
7	GVR	200	0.2%
8	HDB	2,200	2.8%
9	HPG	4,100	6.2%
10	KDH	600	1.3%
11	MBB	3,200	4.5%
12	MSN	800	5.8%
13	MWG	1,400	4.5%
14	NVL	1,000	1.1%
15	PDR	300	0.3%
16	PLX	100	0.3%
17	POW	600	0.5%
18	SAB	100	1.3%
19	SSI	1,300	1.9%
20	STB	2,400	4.6%
21	TCB	2,900	6.1%
22	TPB	1,100	1.9%
23	VCB	600	4.0%
24	VHM	1,400	5.3%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weighting*
I	Chứng khoán/Stock		
25	VIB	1,400	2.3%
26	VIC	1,200	5.0%
27	VJC	300	2.5%
28	VNM	1,000	6.2%
29	VPB	5,600	8.0%
30	VRE	1,100	2.5%
II	Tiền/Cash(VND)	42,555,785	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **1,264,580,000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **1,307,135,785**

+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) **42,555,785**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	18,900	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	41,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	48,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	ACB	23,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	FPT	80,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP
6	HDB	16,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
7	MBB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	MWG	42,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	27,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	22,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	21,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	18,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 11/01/2023	Kỳ trước/Last Period(**) 10/01/2023	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,400,000.00	5,400,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	12,820.00	12,810.00	10.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	70,541,448,646.00	70,585,332,411.00	-43,883,765.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,306,323,123.00	1,307,135,785.00	-812,662.00
của 1 CCQ/ per Share	13,063.23	13,071.35	-8.12
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,065.22	1,060.53	4.69

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/01/2023

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 09/01/2023

Đại diện tổ chức
Organization representative

M.S.D.N: 0102333992 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC